

CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

from Local
to Global





01 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội

03 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính kiểm toán 2024



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tầm nhìn

Chúng tôi mong muốn trở thành nhà cung cấp thủy sản Việt Nam hướng đến thị trường toàn cầu, là đối tác lâu dài được khách hàng ưa thích và là đơn vị đóng góp có trách nhiệm cho phát triển bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản.

Sứ mệnh

- Mang đến cho khách hàng những sản phẩm an toàn đạt chất lượng cao được sản xuất trong quy trình khép kín và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế.
- Mở rộng thị trường, góp phần làm đẹp hơn hình ảnh của ngành thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới.
- Mở rộng hoạt động sản xuất, qua đó tăng cường lợi nhuận nhằm đảm bảo phát triển và nâng cao chất lượng đời sống cho các cán bộ, công nhân viên và người lao động.

Giá trị cốt lõi



Chất lượng: Chúng tôi cố gắng nâng cao chất lượng cho toàn bộ quy trình



Tập trung vào khách hàng: Chúng tôi cung cấp chất lượng tốt nhất với dịch vụ khách hàng xuất sắc



Minh bạch: Chúng tôi luôn minh bạch trong mọi hoạt động của công ty



01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

01. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Tên tiếng Anh:	CAN THO IMPORT EXPORT SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	CASEAMEX
Mã cổ phiếu:	CCA
Vốn điều lệ:	150.923.260.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	150.923.260.000 đồng.
Địa chỉ:	Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.
Giấy CN ĐKDN:	Số 1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.
Điện thoại:	(0292) 3841 289
Fax:	(0292) 3841 116
Website:	https://caseamex.com/

Được thành lập vào năm 1988, công ty chúng tôi khởi đầu là Nhà máy chế biến và xuất khẩu Cần Thơ, trước đây thuộc Công Ty Nông Sản, Xuất Nhập Khẩu Cần Thơ (CATACO). Chúng tôi tự hào là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu cá tra, chuyên về phi lê đông lạnh và các sản phẩm giá trị gia tăng cho thị trường toàn cầu.

Sau một thời gian dài tăng trưởng và phát triển ổn định, công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX) vào ngày 01 tháng 07 năm 2006, hiện tọa lạc tại Lô 2.12, Khu công nghiệp Trà Nóc II, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam, tại trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) là một tiêu chuẩn thực phẩm phổ biến với hệ thống đánh giá đồng nhất sử dụng để đủ điều kiện và lựa chọn nhà cung cấp.



Tiêu chuẩn SA8000 là chương trình chứng nhận xã hội hàng đầu thế giới. Nó cung cấp một khuôn khổ tổng thể cho phép các tổ chức thuộc mọi loại hình, trong bất kỳ ngành nào và ở bất kỳ quốc gia nào thể hiện sự cống hiến của họ đối với việc đối xử công bằng với người lao động.



Tiêu chuẩn thực hành nuôi tốt (BAP) được phát triển bởi Liên minh nuôi trồng thủy sản toàn cầu (Global Aquaculture Alliance - GAA), và được quản lý bởi Hội đồng chứng nhận nuôi trồng thủy sản (ACC). Chứng nhận BAP đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, truy xuất nguồn gốc, phúc lợi động vật và trách nhiệm xã hội.



ASC được viết tắt là Hội Đồng Quản Lý Nuôi Trồng Thủy Sản (Aquaculture Stewardship Council), là một tổ chức độc lập phi lợi nhuận và tổ chức ghi nhận thiết lập quy trình cho thủy sản nuôi mà vẫn đảm bảo tính bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản.



BRC là tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm, một tiêu chuẩn được đánh giá bởi GFSI do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retail Consortium-BRC) giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1998.



Chứng nhận HALAL là một quá trình chứng nhận đảm bảo các tính năng và chất lượng của sản phẩm tuân thủ các quy tắc được thiết lập bởi Hội đồng Hồi giáo cho phép sử dụng nhãn hiệu Halal.

02 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

1988

Nhà Máy Chế Biến và Xuất Khẩu Cần Thơ (trực thuộc Công Ty Nông Sản, Xuất Nhập Khẩu Cần Thơ CATACO) được thành lập, là tiền thân của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (CASEAMEX), là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản, đặc biệt là cá tra ra thị trường quốc tế.

2006

Ngày 01/07/2006, theo chủ trương của Chính phủ về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, CASEAMEX được tách ra từ CATACO và chuyển đổi sang công ty cổ phần với vốn điều lệ là 28 tỷ đồng. Công ty được cổ phần hóa với tên gọi là Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (CASEAMEX), trụ sở tại Khu công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ - là trung tâm kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long. CASEAMEX đã xuất khẩu sang hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, đặc biệt là sản phẩm đã có mặt trên kệ hàng của những chuỗi siêu thị lớn nhất Bắc Mỹ, EU.

2019

Ngày 26/12/2019, Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (CASEAMEX) chính thức được giao dịch trên sàn UpCOM.

2019 - nay

Sau nhiều năm hoạt động độc lập, công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra trên thị trường EU và thị trường Mỹ với chất lượng sản phẩm đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế. Mặt hàng chủ lực của CASEAMEX là chế biến cá tra đông lạnh. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020 với vốn điều lệ đăng ký là 150.923.260.000 đồng.



03 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

» Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

SẢN PHẨM CHÍNH

Trong nhiều năm liền, Công ty luôn được công nhận là một trong những doanh nghiệp lớn của Việt Nam về xuất khẩu thủy sản chế biến đông lạnh với mặt hàng chủ lực là cá tra.



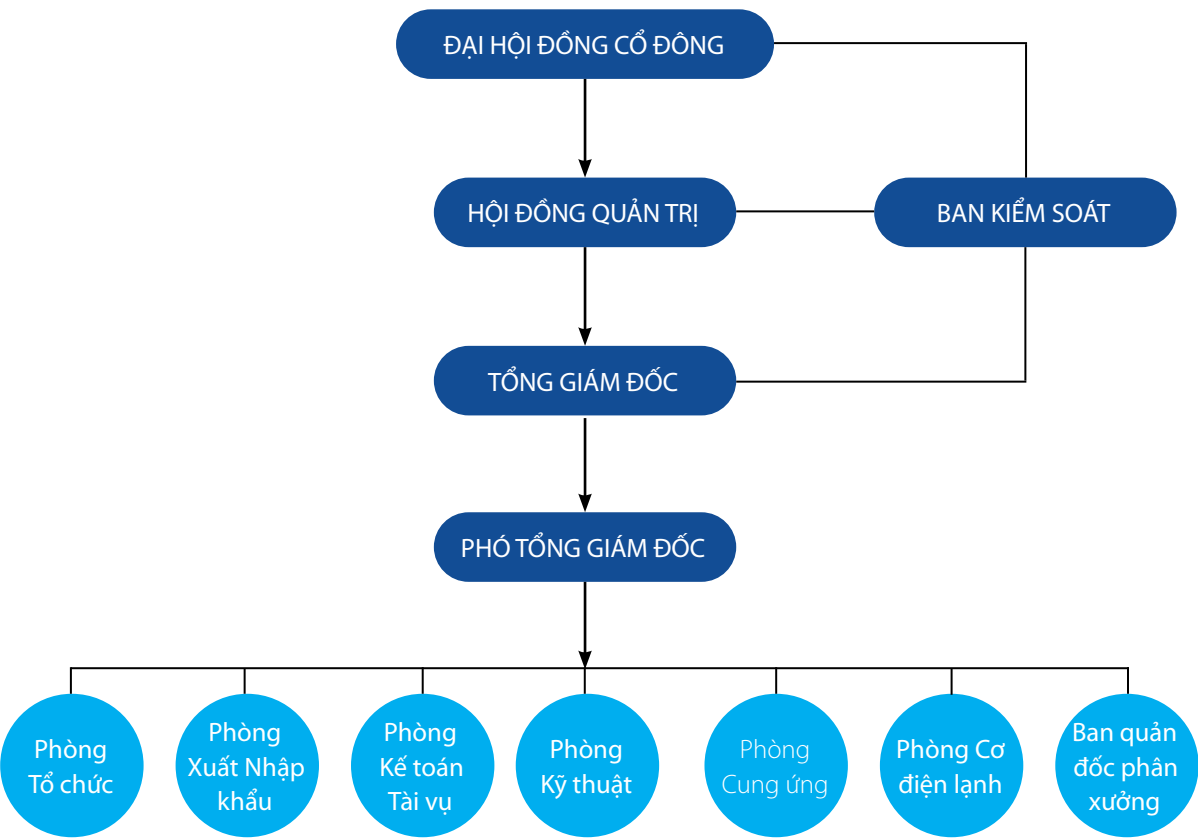
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực liên quan đến thủy sản là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Hiện tại, Công ty tập trung vào hoạt động xuất khẩu trong lĩnh vực thủy sản, mở rộng thị trường sang các khu vực tiềm năng như Châu Âu, Châu Mỹ, Trung Đông,... Với cam kết không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, CASEAMEX khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế, mang đến những sản phẩm thủy sản chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của các đối tác toàn cầu.

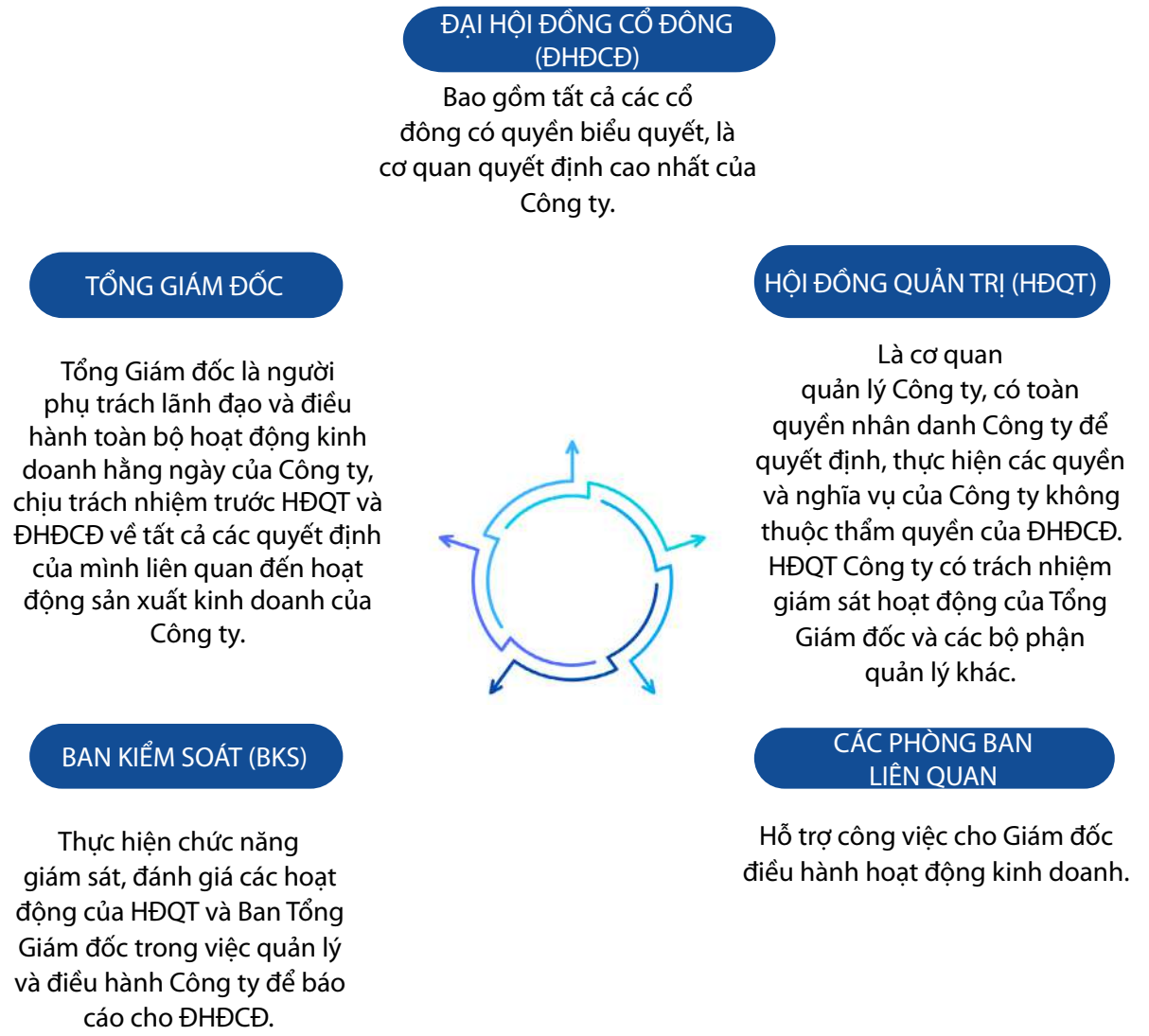


04 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.
2	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ - chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1234, tờ bản đồ số 4, cồn nổi số 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

05 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu, xây dựng thương hiệu Caseamex ngày càng lớn mạnh, phấn đấu trở thành một trong các Công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu tại Việt Nam.
- Duy trì mạng lưới khách hàng ổn định, đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, thị hiếu của người tiêu dùng, các nhà nhập khẩu để ngày càng mở rộng quy mô hoạt động cả trong lẫn ngoài nước; Tăng cường xúc tiến thương mại với Mỹ và các nước khác trên thế giới góp phần nâng cao thị phần và lợi nhuận cho doanh nghiệp.
- Tích cực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cải tiến máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất để nâng cao năng suất hoạt động đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.
- Từng bước hoàn thiện và phát triển chuỗi giá trị ngành cá bằng cách xây dựng chiến lược phù hợp, tận dụng triệt để tiềm lực của bản thân.
- Xây dựng quy trình đánh giá kiểm tra chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, thực hiện các chứng nhận HACCP, BRC, IFS, HALAS ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC,... không ngừng đổi mới quy trình, nâng cao năng suất hoạt động, cải thiện chất lượng sản phẩm để xây giúp CASEAMEX gia tăng lợi thế của mình trên thị trường quốc tế và ngày càng đem lại lợi ích cho khách hàng, đối tác, xã hội.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với sứ mệnh đem lại hài hòa lợi ích cho cả khách hàng, cổ đông và người lao động, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ không chỉ tập trung phát triển các chiến lược sản xuất kinh doanh mà còn thường xuyên tổ chức và tham gia vào các hoạt động xã hội. Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực cải thiện chính sách lương bổng và phúc lợi để hỗ trợ cho cán bộ nhân viên. Song song với việc này, CASEAMEX cũng rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Công ty luôn đưa ra các chính sách và biện pháp phù hợp để đảm bảo cho phát triển kinh tế hài hòa với bảo vệ môi trường và duy trì môi trường sinh thái tự nhiên.

Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và tích cực tham gia vào các hoạt động tự thiện để góp phần vào sự phát triển đời sống xã hội của địa phương.

CÁC CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (Caseamex) càng ngày càng phát triển và khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế trong ngành hàng thủy sản đông lạnh. Mặt hàng chủ lực của Caseamex là chế biến cá tra (*Pangasius Hypophthalmus*). Là một trong những doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra, chúng tôi tự tin về chất lượng sản phẩm của mình có thể đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế.

Với lợi thế về địa hình vốn nằm cạnh sông Mekong thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu Long, Công ty đã xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra đảm bảo yêu cầu về chất lượng, cung cấp trên 80% nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất. CASEAMEX có thể chủ động trong việc thiết lập quy trình sản xuất và đảm bảo đủ nguyên liệu duy trì sản xuất ổn định. Ngoài ra Công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại phù hợp nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường về mặt chất lượng và số lượng. Công ty có hệ thống quản lý chất lượng cho toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như: HACCP, BRC, IFS, HALAS ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC, chất lượng sản phẩm tốt, đạt được tất cả các yêu cầu của các nước nhập khẩu.

Với sứ mệnh trở thành một trong những Công ty hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu cá tra tại Việt Nam, trong những năm qua Caseamex đã và đang xây dựng những nền tảng vững chắc để tăng trưởng theo hướng nhanh, bền vững và tạo ra sự khác biệt. Theo đó, cần có giải pháp nuôi tập trung, liên kết các mắt xích trong chuỗi giá trị và áp dụng công nghệ cao để kiểm soát dịch bệnh, cân bằng cung cầu về nguyên liệu, kiểm soát chi phí, và giảm giá thành tăng tính cạnh tranh với thị trường thế giới. Đồng thời tìm ra hướng đi, nắm bắt cơ hội thị trường, chú trọng vào xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường mới,... đã giúp cho Caseamex giữ vững được thương hiệu và thị phần. Mặt khác, Công ty sẽ dần hoàn thiện bộ máy quản lý, đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng được việc hội nhập kinh tế toàn cầu nhằm đưa ra các chính sách hợp lý, đúng đắn góp phần phát triển vững mạnh.

06 CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, toàn diện hơn, gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga - Ukraina diễn biến phức tạp, giao tranh ở khu vực Trung Đông đã tác động tiêu cực tới quá trình phục hồi kinh tế thế giới sau dịch Covid-19. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; nguy cơ về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gia tăng... Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; hàng rào bảo hộ, phòng vệ thương mại gia tăng... ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của khu vực và thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của nước ta tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tổng cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam.

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023).

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 diễn ra trong điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, nắng nóng gay gắt, hạn hán ở khu vực Tây Nguyên, miền Trung, xâm nhập mặn tại các tỉnh phía Nam, đặc biệt là ảnh hưởng từ cơn bão số 3 đến các địa phương phía Bắc. Nhưng nhờ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong phòng chống và khắc phục kịp thời ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 duy trì mức tăng trưởng tích cực, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) cho biết, năm 2024, xuất khẩu thủy sản của cả nước cán đích với khoảng 10 tỷ USD, tăng khoảng 12,7% so với năm 2023. Trong đó, mặt hàng tôm và cá tra đã đóng góp đến 60% tổng kim ngạch. Tuy nhiên, vấn đề lạm phát tăng cao đang gây ra một áp lực lớn lên nhu cầu tiêu thụ thủy sản và làm giảm sức mua tại các thị trường xuất nhập khẩu, nhất là ở những thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Anh,... từ đó tác động tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản.

Trước những tình hình đó, Ban lãnh đạo của CASEAMEX luôn thường xuyên theo dõi, đánh giá các diễn biến của nền kinh tế cả trong lẫn ngoài nước, đưa ra những phương án, chiến lược kinh doanh phù hợp để phòng ngừa rủi ro có thể xảy ra. Bên cạnh đó, Công ty đã định hướng rõ trong việc đa dạng thị trường xuất khẩu, tối ưu hóa quy trình sản xuất và vận chuyển, đồng thời tăng cường quản lý tài chính góp phần giúp Công ty đem lại cho khách hàng những sản phẩm chất lượng, nâng cao thị phần và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Là một công ty hoạt động trong ngành xuất khẩu dưới hình thức công ty cổ phần, CASEAMEX chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam và các văn bản dưới luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên môi trường,... Không những thế, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu vào các thị trường như Mỹ, EU, Canada, Úc, Châu Á và các nước Trung Đông. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của các chính sách luật và các quy định khác do Chính phủ của các quốc gia mà Công ty xuất khẩu ban hành. Do đó, Công ty luôn chủ động cập nhật liên tục và linh hoạt thích nghi đối với những quy định mới có liên quan.



RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy sản, nguyên liệu đầu vào là yếu tố quan trọng nhất. Vì thế những biến động trong nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Từ nhiều năm nay, thủy sản Việt Nam luôn gặp phải tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất, đặc biệt là thủy sản khai thác. Đồng thời, chất lượng nguồn nguyên liệu cũng chưa được đáp ứng tốt khiến cho việc xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn. Để giải quyết vấn đề này, Công ty đã đầu tư và liên kết đầu tư vùng nuôi nguyên liệu khoảng 150 hecta tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng,... có khả năng tự cung tự cấp trên 80% sản lượng nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất của nhà máy. Vùng nuôi nguyên liệu cung cấp mỗi năm khoảng từ 45.000-50.000 tấn nguyên liệu mỗi năm. Song tình trạng thiếu hụt nguồn cung ứng và kém chất lượng vẫn có thể xảy ra.

Bên cạnh đó, CASEAMEX cũng đưa ra nhiều biện pháp cải tạo, sàng lọc, mở rộng vùng thu mua nguyên liệu để duy trì tính ổn định, nâng cao chất lượng nguyên liệu đầu vào và hạn chế tổn thất từ rủi ro này

06 CÁC RỦI RO



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thủy sản tại Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết. Các yếu tố về chất lượng nguồn nước, biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán, ngập mặn, ô nhiễm môi trường đều gây ra rất nhiều khó khăn cho quá trình khai thác thủy sản ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm. Trong thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa, chất thải từ các nhà máy, xí nghiệp, các tai nạn tràn dầu trên biển, tình trạng phá rừng để xây dựng các đập thủy lợi khiến cho nguồn nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tình hình xâm nhập mặn kéo dài.

Để đối phó với các vấn đề này, CASEAMEX đã triển khai các biện pháp như ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học, xây dựng hệ thống quan trắc để theo dõi nguồn nước, nuôi các loại vi sinh vật có lợi để cải tạo môi trường nước, đồng thời tăng cường năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố có thể xảy ra.

RỦI RO KHÁC

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng có thể tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy Ban lãnh đạo của CASEAMEX luôn thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, linh động trong việc điều chỉnh chính sách hoạt động, điều hành nhân công một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.

RỦI RO CẠNH TRANH

Bên cạnh việc cạnh tranh các công ty cùng ngành trong nước, và các nước khác cũng nuôi cá tra: Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh... Công ty còn phải cạnh tranh gián tiếp với cá tuyết, cá minh thái... và các sản phẩm khác. Điều này đã ảnh hưởng sự xuất khẩu, tăng sự cạnh tranh với cá tra Việt Nam. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước xuất khẩu có nguồn cung lớn sẽ gây ra áp lực lớn và khó khăn cho CASEAMEX tạo ra những sản phẩm phù hợp với tiêu chí người tiêu dùng. Đây vừa tạo ra nhiều khó khăn, thử thách lớn cũng vừa là mục tiêu, nguồn động lực cho CASEAMEX thúc đẩy nâng cao năng suất, điều chỉnh chi phí sản xuất một cách tối ưu, nâng cao chất lượng sản phẩm. Để giảm thiểu tác động của sự cạnh tranh mà vẫn đảm bảo lợi nhuận, CASEAMEX tận dụng triệt để các tiềm năng về kinh tế, vị trí địa lý, nguồn tài nguyên để phấn đấu phát triển thêm nhiều sản phẩm mới hạn chế tối đa chi phí và duy trì được mức giá cạnh tranh hiệu quả.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan về tác động môi trường và xã hội của Công ty

01 TÌNH HÌNH KINH DOANH

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% TH2024 / TH2023
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Bán thành phẩm (cá tra)	1.168.563	94,47%	1.287.093	99,12%	10,14%
2	Bán nhà ở xã hội	65.232	5,27%	8.990	0,69%	-86,22%
3	Cung cấp dịch vụ	517	0,04%	543	0,04%	5,03%
4	Hoạt động khác	2.771	0,22%	1.853	0,14%	-33,13%
Tổng		1.237.083	100%	1.298.479	100%	4,96%

Nhìn chung, năm 2024 là thời gian khó khăn với ngành thủy sản Việt Nam khi phải đối mặt hàng loạt thách thức như làn sóng lạm phát lan rộng trên toàn thế giới, mức hàng tồn kho tăng cao tại các thị trường nhập khẩu lớn, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm thủy sản giảm mạnh khiến cho hoạt động sản xuất bị ảnh hưởng. Theo đó, trong năm 2024, doanh thu thuần của CASEAMEX đạt 1.298.479 tỷ đồng, ghi nhận tăng 4,96% so với năm 2023 (doanh thu thuần năm 2023 đạt hơn 1.237 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu bán thành phẩm (cá tra) là nguồn thu chính của Công ty khi chiếm tỷ trọng lần lượt 94,47% và 99,12%.

Đối với các mảng hoạt động còn lại chiếm tỷ trọng trên doanh thu thuần không đáng kể, cụ thể bao gồm các hoạt động kinh doanh như sau:

- Hoạt động bán nhà ở xã hội: Đây là dự án Nhà ở xã hội Gia Phúc do Công ty làm chủ đầu tư, mục đích dự án nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng như trong Khu công nghiệp và trên địa bàn TP. Cần Thơ. Dự án có diện tích rộng 12.680 m2, tọa lạc tại đường Nguyễn Chí Thanh, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ. Về tiến độ thực hiện, Dự án đã hoàn thành bao gồm các Block: A1, A2, B1, B2 và B3 với tổng số căn hộ 430, các căn hộ này đã và đang bán, bàn giao cho khách hàng. Theo đó, Công ty đã bắt đầu ghi nhận doanh thu của Dự án này từ năm 2023.
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty chủ yếu là lắp đặt điện năng lượng mặt trời áp mái.
- Hoạt động khác: Doanh thu hoạt động khác chủ yếu là doanh thu từ bán phế phẩm, phế liệu,... từ sản phẩm kinh doanh chính của Công ty.

B. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

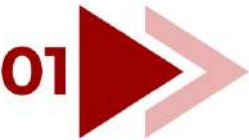
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2023	TH năm 2024	% TH2024 / TH2023
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	34,382	33,57	-2,36%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	12.428	14.018	12,79%
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	13.810	13.940	0,94%
4	Tổng doanh thu	Triệu VND	1.249.727	1.309.050	4,75%
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	4.617	11.307	144,88%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	3.713	9.359	152,07%



02 TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	42.266	0,28%
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	5.543.650	36,73%
3	Bà Võ Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT	154.534	1,02%
4	Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT	36.499	0,24%
5	Ông Lê Thành Được	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	17.163	0,11%



Ông **NGUYỄN CHÍ THẢO**
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Năm sinh: 1968
Quê quán: Cà Mau
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 42.266 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,28%

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính
Quá trình công tác:

- Trước 07/2006: Trợ lý Giám đốc - Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
- 07/2006 - 26/06/2020: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ.
- 26/06/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.



Ông **VÕ ĐÔNG ĐỨC**
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1959
Quê quán: Vĩnh Long
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.543.650 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 36,73%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế và kỹ sư chăn nuôi thú y
Quá trình công tác:

- Trước 07/2006: Giám đốc - Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
- 07/2006 - 26/06/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 26/06/2020 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.



Bà **VÕ THỊ THUÝ NGA**
THÀNH VIÊN HĐQT
Năm sinh: 1965
Quê quán: Hậu Giang
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 154.534 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 1,02%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chăn nuôi thú y
Quá trình công tác:

- Trước 07/2006: Quản đốc sản xuất - Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
- 07/2006 - 01/2020: Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 01/2020 - 12/2024: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 12/2024 – nay: Thành viên HĐQT – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.



Bà **LÊ HUỖNH THANH TRÚC**
THÀNH VIÊN HĐQT
Năm sinh: 1967
Quê quán: Cần Thơ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 36.499 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,24%

Trình độ chuyên môn: Đại học công nghệ sinh học
Quá trình công tác:

- Trước 07/2006: Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản xuất Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Phó Quản đốc sản xuất
- 07/2006 – 01/2020: Phó quản đốc nhà máy sản xuất – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- 01/2020 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Quản đốc nhà máy



Ông **LÊ THÀNH ĐƯỢC**
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Năm sinh: 1967
Quê quán: Cần Thơ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 17.163 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,11%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa học và thực phẩm
Quá trình công tác:

- Trước 07/2006: Phó Giám đốc - Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
- 07/2006 - 20/05/2023: Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- 20/05/2023 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cần Thơ.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	27.702	0,18%
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên Ban kiểm soát	30.998	0,21%
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên Ban kiểm soát	5.545	0,04%

01**Ông LÝ QUỐC TUẤN
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Năm sinh: 1974

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 27.702 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 0,18%

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế**Quá trình công tác:**

- Trước 07/2006: Nhân viên phòng kế toán – Xí nghiệp Chế biến thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông Súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
- 07/2006 – 02/2010: Nhân viên phòng kế toán – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 03/2010 – 12/2024: Trưởng Ban kiểm soát kiêm Phó phòng kế toán - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 12/2024 - nay: Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

02**Bà HỒ THỊ CẨM HUỖNH
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Năm sinh: 1975

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 30.998 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 0,21%

Trình độ chuyên môn: Đại học chăn nuôi thú y**Quá trình công tác:**

- Trước 07/2006: Nhân viên kiểm nghiệm thuộc Phòng kỹ thuật xí nghiệp CBTPXK – Trục thuộc Công ty nông súc sản xuất nhập khẩu Cần Thơ.
- 07/2006 – 11/2020: Phó phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 11/2020 – 06/2020: Trưởng phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 06/2020 - nay: Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng kỹ thuật – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

03**Bà NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Năm sinh: 1978

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.545 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 0,04%

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán**Quá trình công tác:**

- Trước 07/2006: Nhân viên Phòng kế toán (trạm TPHCM) Xí nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
- 07/2006 – 06/2020: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 06/2020 – nay: Thành viên BKS kiêm Nhân viên văn phòng Tổ chức hành chính - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.



CHÍNH SÁCH

NHÂN SỰ

VỀ ĐÀO TẠO

Công ty không chỉ tập trung đầu tư vào các khóa đào tạo chuyên môn mà còn thúc đẩy sự giao lưu và trao đổi kinh nghiệm giữa các nhân viên. Các hoạt động này không chỉ nâng cao trình độ mà còn khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong công việc. Công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên tham gia các khóa huấn luyện, từ đó tối ưu hóa khả năng phát triển cá nhân và tạo cơ hội thăng tiến trong tổ chức. Đồng thời, CASEAMEX không ngừng cập nhật kiến thức và kỹ năng vận hành máy móc, thiết bị để đáp ứng nhanh chóng với sự phát triển của công nghệ. Việc áp dụng khoa học công nghệ mới không chỉ giúp tăng cường hiệu suất làm việc mà còn đảm bảo rằng doanh nghiệp đang đáp ứng được mọi yêu cầu và thách thức trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh.

VỀ TUYỂN DỤNG

Công ty xây dựng chính sách tuyển dụng với các tiêu chí về trình độ chuyên môn, đánh giá sức khỏe, kỹ năng, khả năng thích ứng với chiến lược kinh doanh cũng như nhu cầu công việc. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động đồng thời tạo điều kiện cho thời gian thử việc và chính sách lương bổng phù hợp với từng vị trí

VỀ PHÚC LỢI

Công ty luôn quan tâm, chăm sóc toàn diện đến người lao động từ vật chất đến tinh thần. Vào các dịp lễ tết, ngoài việc cho cán bộ công nhân viên và người lao động được nghỉ đúng quy định, Công ty còn xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch, nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao cho các cán bộ công nhân viên.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG

CASEAMEX không chỉ tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành mà còn tạo ra một hệ thống khuyến khích, động viên nhân viên. Quy chế lương thưởng được xây dựng cụ thể, phản ánh đúng công bằng và xứng đáng với đóng góp của từng cá nhân. Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá năng suất làm việc, tổ chức các đợt khen thưởng để tôn vinh những nhân sự xuất sắc cũng như đề xuất sáng kiến cải tiến, từ đó tạo động lực cho sự nghiệp phát triển bền vững của mọi thành viên trong tổ chức.



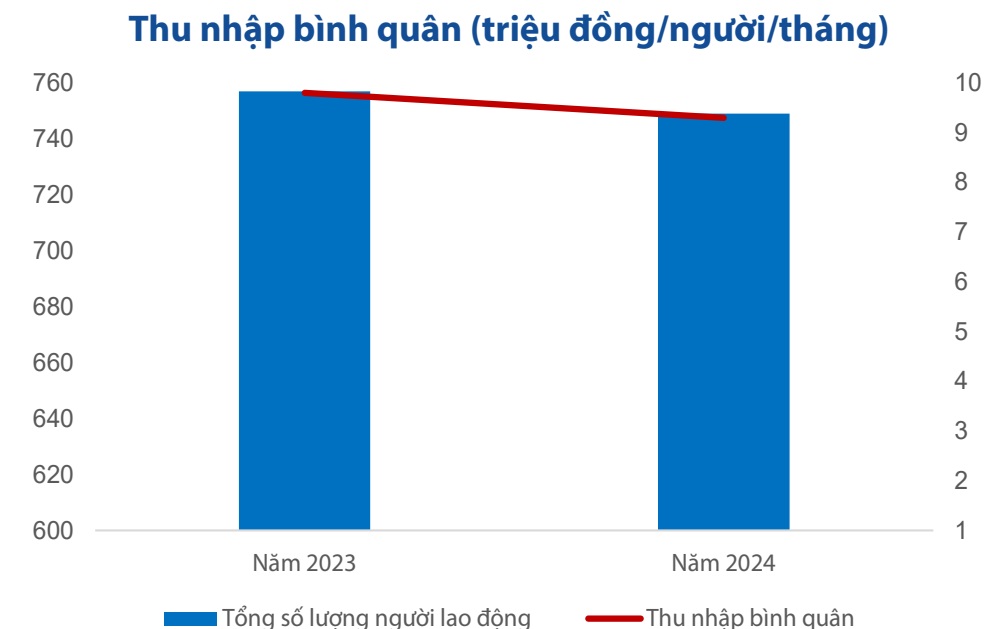
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

Cơ cấu nhân sự tính tại ngày 31/12/2024

STT	Cơ cấu lao động	Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Trình độ trên Đại học	3	0,40%	3	0,40%
2	Đại học, cao đẳng	107	14,13%	115	15,35%
3	Trung cấp	54	7,13%	54	7,21%
4	Công nhân kỹ thuật	19	2,51%	17	2,27%
5	Trình độ lao động phổ thông	574	75,83%	560	74,77%
TỔNG CỘNG		757	100%	749	100%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	757	749
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,8	9,3



03 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2024, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh với các điều kiện sản xuất hiện có, vì thế, Công ty không phát sinh đầu tư dự án mới.

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

Tình hình đầu tư máy móc, thiết bị:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	865	142
2	Máy móc thiết bị	2.365	2.421
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	70	-
Tổng cộng		3.300	2.563



04 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

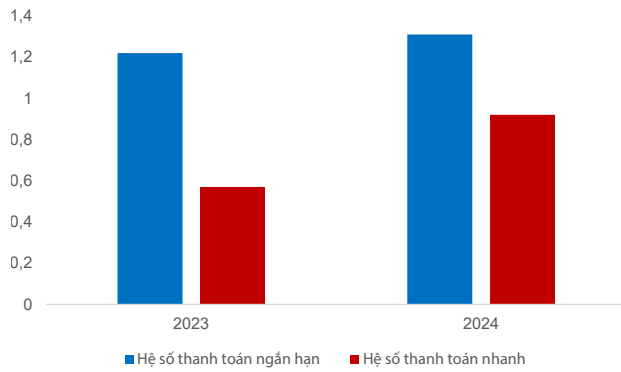
STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng giảm
1	Tổng tài sản	984.306	805.780	(18,14%)
2	Doanh thu thuần	1.237.084	1.298.479	4,96%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.204	9.570	127,64%
4	Lợi nhuận khác	413	1.737	320,38%
5	Lợi nhuận trước thuế	4.617	11.307	144,88%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.713	9.359	152,07%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	1,31
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,75	0,68
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,08	2,15
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,45	3,26
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,24	1,45
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,30	0,72
Hệ số LNST/VCSH bình quân	%	1,51	3,77
Hệ số LSNT/TTS bình quân	%	0,37	1,05

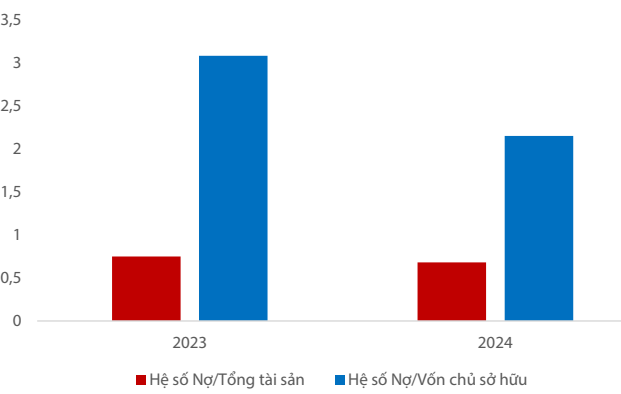
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức cao và điều kiện tín dụng bị siết chặt trong năm 2024, Caseamex vẫn ghi nhận sự cải thiện tích cực về khả năng thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,22 lên 1,31 và hệ số thanh toán nhanh tăng mạnh từ 0,57 lên 0,92. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang quản lý tốt hơn dòng tiền và tài sản ngắn hạn, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn một cách an toàn hơn, giảm phụ thuộc vào nguồn vay bên ngoài trong bối cảnh chi phí vốn tăng cao.



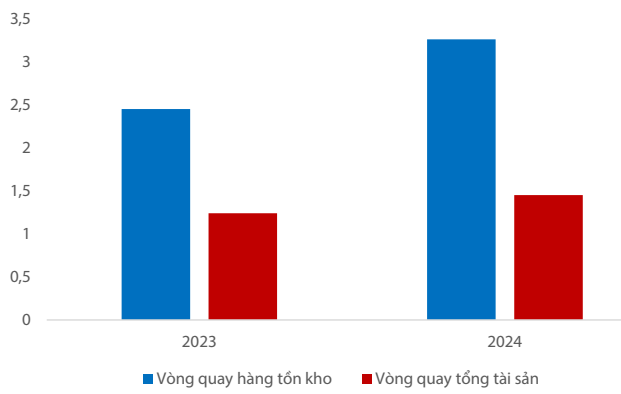
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Năm 2024, Công ty có bước tiến đáng ghi nhận trong việc cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng an toàn và bền vững hơn. Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 0,75 xuống còn 0,68, trong khi hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm mạnh từ 3,08 xuống 2,15. Những chuyển biến tích cực này cho thấy công ty đã chủ động giảm đòn bẩy tài chính trong bối cảnh chi phí vay tăng cao và thị trường tài chính quốc tế tiềm ẩn nhiều rủi ro, từ đó nâng cao năng lực tự chủ tài chính và giảm thiểu rủi ro thanh khoản.



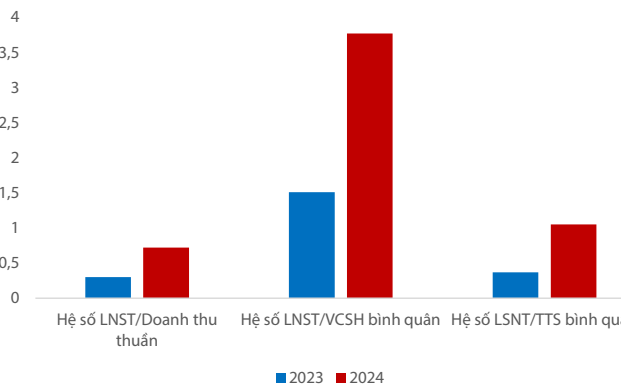
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trước bối cảnh tiêu thụ chậm trong ngành thủy sản và áp lực tồn kho gia tăng, Công ty vẫn cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực trong năm 2024. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,45 lên 3,26 vòng và vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,24 lên 1,45 vòng. Điều này phản ánh khả năng tối ưu hóa quy trình sản xuất, đẩy nhanh chu kỳ luân chuyển hàng hóa và khai thác tài sản hiệu quả hơn, góp phần nâng cao hiệu suất vận hành và gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Bất chấp áp lực từ thị trường xuất khẩu và chi phí đầu vào tăng cao, Công ty vẫn đạt được sự cải thiện rõ rệt về hiệu quả sinh lời trong năm 2024. Biên lợi nhuận ròng trên doanh thu tăng từ 0,30% lên 0,72%, trong khi ROE tăng từ 1,51% lên 6,77% và ROA tăng từ 0,37% lên 1,05%. Kết quả này cho thấy công ty đã triển khai thành công các giải pháp kiểm soát chi phí, cơ cấu lại danh mục sản phẩm, đồng thời cải thiện hiệu quả quản trị từ đó nâng cao năng lực tạo lợi nhuận và mang lại giá trị thực chất cho cổ đông.



05 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

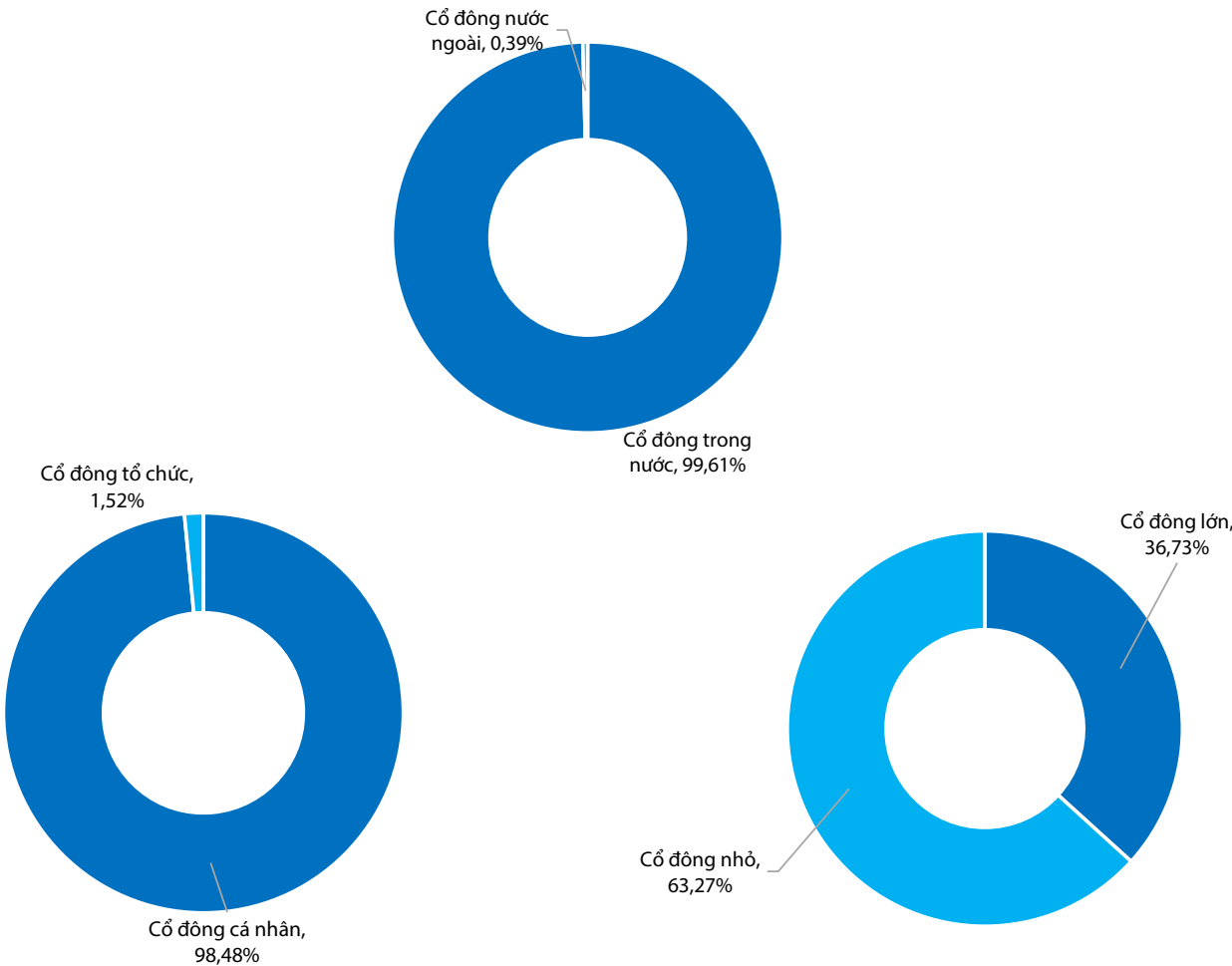
CỔ PHẦN

Thông tin cổ phần của công ty tại ngày 31/12/2024

TỔNG SỐ CỔ PHẦN

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ	:	0
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH:	:	15.092.326
» Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	:	15.092.326
» Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	:	0

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



CỔ ĐÔNG LỚN

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (theo mệnh giá)	Tỷ lệ sở hữu
Ông Võ Đông Đức	5.543.650	-	36,73%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ Không

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC Không

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty đã thực hiện 10 đợt tăng vốn từ ngày thành lập cho đến nay:

STT	Thời điểm tăng vốn	VĐL trước khi tăng/giảm (VND)	Giá trị VĐL tăng/giảm (VND)	VĐL sau khi tăng/giảm (VND)	Hình thức tăng/giảm vốn
01	03/2007	28.000.000.000	27.160.000.000	55.160.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức Chào bán cổ phiếu cho CĐHH, CBCNV và cổ đông bên ngoài
02	06/2009	55.160.000.000	1.654.800.000	56.814.800.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
03	07/2010	56.814.800.000	5.681.480.000	62.496.280.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
04	12/2010	62.496.280.000	14.503.720.000	77.000.000.000	Chào bán riêng lẻ CP cho CBCNV và đối tác chiến lược
05	10/2011	77.000.000.000	3.000.000.000	80.000.000.000	Chuyển đổi từ 30.000 trái phiếu sang 300.000 cổ phiếu
06	08/2012	80.000.000.000	19.997.060.000	99.997.060.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
07	11/2013	99.997.060.000	14.996.140.000	114.993.200.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
08	06/2014	114.993.200.000	5.746.540.000	120.739.740.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức
09	12/2014	120.739.740.000	23.000.000.000	143.739.740.000	Chào bán riêng lẻ cổ phiếu cho cổ đông chiến lược
10	06/2015	143.739.740.000	7.183.520.000	150.923.260.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức

06 BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Quá trình hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là trong môi trường tự nhiên và sử dụng điện năng làm nguồn năng lượng chủ yếu cho hoạt động của máy móc thiết bị nuôi và chế biến sản phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng có định hướng đầu tư nghiên cứu để cải tiến máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất, từ đó tối ưu trong việc sử dụng năng lượng để góp làm giảm chi phí cũng như góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là nguồn nguyên vật liệu đóng vai trò vô cùng quan trọng trong toàn bộ quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với nguồn cung cấp nước đầu vào chủ yếu là nước sông Mekong và các suối nước ngầm phía dưới đất, Công ty đã xây dựng được quy trình kiểm soát và quản lý chất lượng nước trong quá trình sản xuất, bao gồm kiểm tra định kỳ và phân tích chất lượng nước, điều chỉnh pH và độ mặn của nước, và sử dụng các phương pháp xử lý nước để loại bỏ các chất độc hại và vi khuẩn gây bệnh cho cá. Đồng thời, CASEAMEX cũng đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải để giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nước tự nhiên.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bên cạnh việc đảm bảo được chất lượng, vệ sinh an toàn trong toàn bộ quy trình nuôi và chế biến sản phẩm từ cá, CASEAMEX cũng luôn chủ trương xây dựng hệ thống xử lý rác và nước thải theo đúng các quy chuẩn trước khi đưa ra ngoài để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện các công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người lao động, cũng như tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, cải tạo và xây dựng môi trường tự nhiên của hoạt động sản xuất đến môi trường.

06 BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm	2023	2024
Tổng số lượng người lao động (người)	757	749
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,8	9,3

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

CASEAMEX luôn đảm bảo tính minh bạch, công bằng, hiệu quả trong việc xây dựng các bộ máy tuyển dụng đào tạo, quản lý tình hình hoạt động, năng suất làm việc, hoàn thiện các chế độ lương thưởng, đãi ngộ, phúc lợi. Công ty thường xuyên theo dõi, đánh giá để đưa ra định hướng, phân công công việc cụ thể, phù hợp với chức năng của từng phòng ban, từng cá nhân

để có thể phát huy hết được năng lực và tạo ra cơ hội phát triển, thăng tiến trong định hướng sự nghiệp của người lao động. Qua đó, vừa nâng cao năng suất của nguồn nhân lực, đóng góp kết quả hoạt động của doanh nghiệp, vừa đáp ứng được nguyện vọng, đảm bảo đời sống và mọi quyền lợi hợp lý của toàn bộ nhân viên.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, tập trung vào việc đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Công ty đặt mục tiêu đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương bằng cách tạo ra việc làm ổn định, tham gia hỗ trợ các chương trình giáo dục, y tế, văn hóa đồng thời tổ chức và tài trợ các hoạt động xã hội nhằm

cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương Công ty cam kết thực hiện các hoạt động này để hỗ trợ cộng đồng và duy trì sự bền vững trong việc sử dụng tài nguyên đất đai, nước, năng lượng và các nguồn tài nguyên tự nhiên khác một cách có trách nhiệm và bền vững.



03

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

01 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Thuận lợi

- Các hiệp định đa phương, song phương CPTPP và FTA với khu vực ASEAN, ngành thủy sản đã có những thuận lợi nhất định.
- Công ty đã xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra đảm bảo yêu cầu về chất lượng, cung cấp trên 80% nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất. CASEAMEX có thể chủ động trong việc thiết lập quy trình sản xuất và đảm bảo đủ nguyên liệu duy trì sản xuất ổn định. Ngoài ra Công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại phù hợp nhằm đa dạng hóa sản phẩm và đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường về mặt chất lượng và số lượng.
- CASEAMEX là một trong những Công ty xuất khẩu cá tra của Việt Nam đã được FSIS công nhận đủ điều kiện tương đồng về quy trình nuôi và chế biến cá da trơn với quy trình nuôi cá da trơn của Mỹ.
- Công ty có hệ thống quản lý chất lượng cho toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như: HACCP, BRC, IFS, HALAS ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC, chất lượng sản phẩm tốt, đạt được tất cả các yêu cầu của các nước nhập khẩu.
- Công ty có cơ sở vật chất, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị đồng bộ phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, được bảo trì, bảo dưỡng và cải tiến liên tục nhằm đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất đề ra.
- Nguồn nhân lực ổn định, có tay nghề, đáp ứng nhu cầu sản xuất, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

Khó khăn

- Giao tranh ở Trung Đông và các vấn đề địa chính trị khác trên thế giới tiếp tục làm xáo trộn thương mại toàn cầu, hệ lụy đã làm chi phí vận tải tăng, giá sản phẩm đầu vào cho nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản tăng cao gây ra cơ lốc lạm phát mới ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ thủy sản.
- Những yêu cầu ngày càng cao về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc của các thị trường. Các quy định mới của Luật Thủy sản 2017 về quản lý khai thác theo hướng bền vững, hiệu quả, có trách nhiệm đang được triển khai, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần có thời gian để thực hiện,...
- Công ty phải đối mặt với các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, các hiện tượng mưa lớn, lũ lụt, hạn hán và thời tiết khắc nghiệt khác... Những điều này có thể ảnh hưởng đáng kể năng suất và chất lượng sản phẩm của công ty.

NHỮNG TIẾN BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

- Trong năm 2024, CASEAMEX đã đầu tư vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm và liên kết các phần trong chuỗi cung ứng, đồng thời tập trung vào việc cải thiện, sửa đổi và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Điều này bao gồm việc nâng cao cơ sở hạ tầng, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các công nghệ hiện đại để đảm bảo chất lượng sản phẩm và tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì một mạng lưới khách hàng ổn định và mở rộng hợp tác thương mại với các doanh nghiệp ở các thị trường Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á,....
- Ngoài ra, CASEAMEX cũng tập trung vào việc xây dựng một văn hóa doanh nghiệp mạnh mẽ tạo ra môi trường làm việc tích cực, năng động, áp dụng các chính sách lương thưởng và phúc lợi công bằng và minh bạch. Điều này giúp thu hút nhân tài chất lượng cao và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho công việc làm cơ sở để thực hiện các chiến lược dài hạn và góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.



02 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		TH 2024/ TH2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	908.663	92,32%	721.803	89,58%	-20,56%
Tài sản dài hạn	75.642	7,68%	83.977	10,42%	11,02%
Tổng tài sản	984.306	100,00%	805.780	100,00%	-18,14%

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CCA) đạt 805.780 triệu đồng, giảm 18,14% so với cùng kỳ năm trước. Mức giảm chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn, vốn giảm 20,56%, phản ánh sự điều chỉnh linh hoạt trong chiến lược quản lý tài sản nhằm thích ứng với môi trường kinh tế vĩ mô có nhiều biến động. Trong bối cảnh lạm phát toàn cầu được kiểm soát nhưng mặt bằng lãi suất vẫn duy trì ở mức cao, nhiều doanh nghiệp lựa chọn cẩn trọng hơn trong việc sử dụng vốn lưu động và tối ưu hóa hàng tồn kho để bảo vệ dòng tiền. Ngược lại, tài sản dài hạn của CCA ghi nhận mức tăng 11,02%, cho thấy doanh nghiệp vẫn duy trì định hướng đầu tư dài hạn, có thể là vào hệ thống sản xuất, cơ sở hạ tầng hoặc các tài sản tạo giá trị ổn định trong tương lai. Dù tổng quy mô tài sản có phần thu hẹp, cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng cân bằng hơn giữa ngắn hạn và dài hạn, thể hiện nỗ lực tái cơ cấu hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong bối cảnh kinh tế còn nhiều yếu tố bất định.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

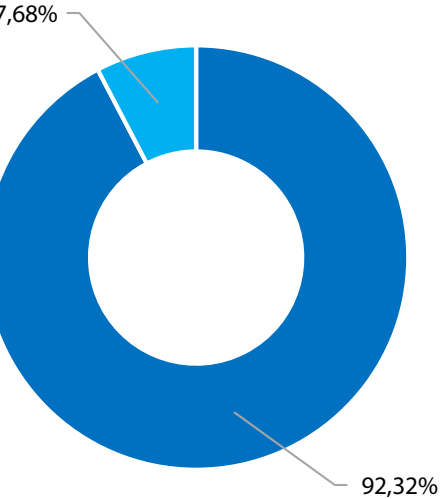
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		TH 2024/ TH2023
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	743.051	100%	550.109	100%	-25,97%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả	743.051	100%	550.109	100%	-25,97%

- Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì tình trạng không có nợ dài hạn và ghi nhận mức giảm đáng kể ở nợ ngắn hạn, từ 743.051 triệu đồng xuống còn 550.109 triệu đồng, tương ứng giảm 25,97% so với cuối năm 2023. Mức giảm này chủ yếu đến từ việc cơ cấu lại các khoản vay ngắn hạn và tăng cường khả năng thanh toán từ dòng tiền nội bộ, trong bối cảnh mặt bằng lãi suất trong nước vẫn ở mức cao do chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiểm soát lạm phát.
- Đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đòi hỏi nhu cầu vốn lưu động lớn, tuy nhiên việc giảm mạnh nợ vay ngắn hạn thể hiện định hướng chiến lược tài chính an toàn, linh hoạt và chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn tự có để tài trợ cho hoạt động. Việc không phát sinh nợ dài hạn tiếp tục là điểm tích cực trong cấu trúc tài chính của Công ty, giúp hạn chế rủi ro tài chính và gia tăng mức độ tự chủ trong hoạt động điều hành.
- Trong bối cảnh kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ biến động địa chính trị, tỷ giá và chi phí vốn quốc tế, việc kiểm soát tốt nợ phải trả, đặc biệt là nợ ngắn hạn, cho thấy Công ty đang duy trì chính sách quản trị tài chính thận trọng, hướng đến sự phát triển bền vững và ổn định lâu dài. Điều này cũng là thông điệp rõ nét về sức khỏe tài chính và khả năng kiểm soát dòng tiền hiệu quả của Công ty trong thời gian tới.

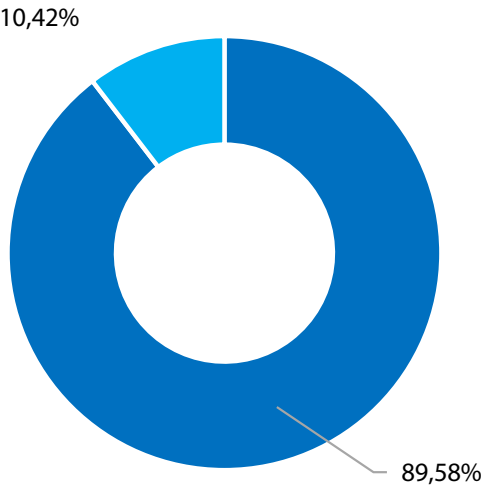
NĂM 2023

■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

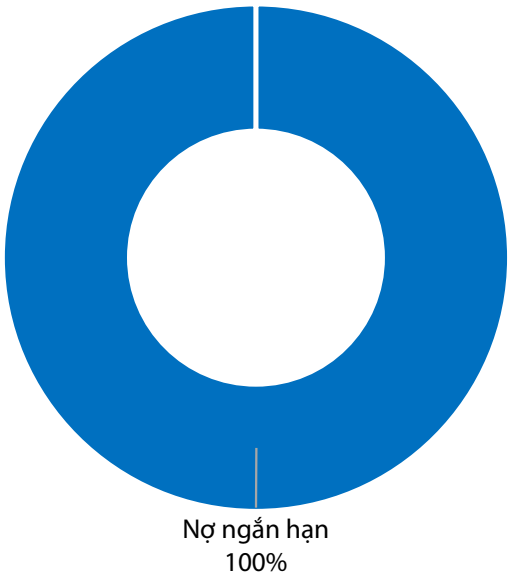


NĂM 2024

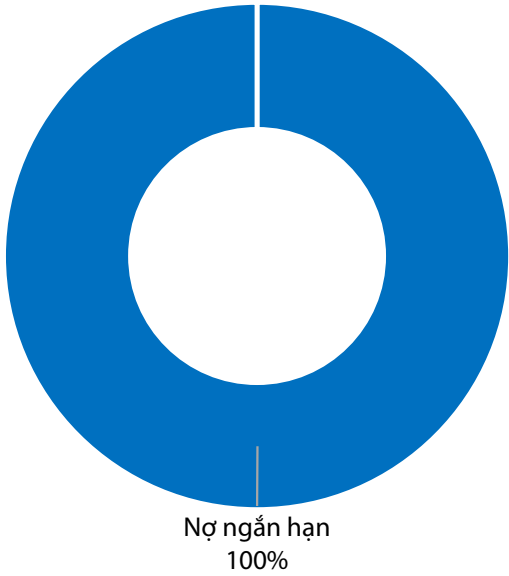
■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn



NĂM 2023



NĂM 2024



03 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong năm 2024, CASEAMEX tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm chiến lược, hướng đến tối ưu hóa chuỗi giá trị thông qua việc áp dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong quản lý sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình sản xuất khép kín bằng cách hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, mở rộng trung tâm giống và áp dụng công nghệ sinh học tiên tiến. Những giải pháp này không chỉ nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn đảm bảo chất lượng sản phẩm, góp phần tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.
- Để duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu, CASEAMEX đã đẩy mạnh liên kết với các đối tác chiến lược tại Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Á, đồng thời tích cực tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế. Những nỗ lực này không chỉ củng cố mạng lưới khách hàng mà còn tạo đà tăng trưởng ổn định, nâng cao uy tín và vị thế thương hiệu Việt Nam trên thị trường toàn cầu.
- Về mặt tổ chức và nhân sự, CASEAMEX tiếp tục chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, khuyến khích sự đổi mới và sáng tạo trong môi trường làm việc. Công ty cũng từng bước hoàn thiện hệ thống đánh giá hiệu suất và lộ trình phát triển nghề nghiệp cho đội ngũ nhân viên, tạo điều kiện để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao. Những cải tiến này nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn và bền vững của CASEAMEX trong tương lai.

04 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Năm 2025, Công ty lên kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu như sau:

STT	Nội dung	TH2024	KH 2025	%KH2025/ TH2024
1	Doanh thu thuần	1.298.479	1.420.000	109%
2	Lợi nhuận sau thuế	10.003	15.000	149%
3	Tỷ lệ LNST/DTT	0,77%	1,06%	1,37%

Nguồn: Kế hoạch năm 2025 theo dự kiến của Hội đồng Quản trị (kế hoạch chi tiết sẽ được Công Ty trình thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025)

05 GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



06 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG

Công ty luôn nỗ lực hoàn thiện chính sách về lương, thưởng, phúc lợi và các chế độ đãi ngộ nhằm tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, thu hút và gắn bó nhân tài. Công ty đã xây dựng hệ thống lương, thưởng cạnh tranh, dựa trên năng lực, hiệu quả làm việc và đóng góp của người lao động. Đồng thời, Công ty sẽ xây dựng hệ thống thưởng theo kết quả hoạt động kinh doanh, thưởng theo năng lực, hiệu quả làm việc,... để khuyến khích người lao động phát huy tối đa năng lực, đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai các chế độ phúc lợi như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động,... nhằm đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Đồng thời, Công ty tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, tôn trọng quyền lợi của người lao động, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện làm việc an toàn, vệ sinh đảm bảo các quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Việc tiêu thụ và xử lý hợp lý các chỉ tiêu về môi trường như sử dụng điện, nước, quản lý rác thải và xử lý chất thải đã được triển khai theo kế hoạch, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện một cách hiệu quả.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty không chỉ chú trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn dành nhiều tâm huyết cho các công tác xã hội, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Cần Thơ. Những hoạt động này đã góp phần tạo ra những ảnh hưởng tích cực đối với kinh tế và môi trường xã hội trong cộng đồng. Cụ thể, Công ty đã tài trợ tài chính cho các chương trình an sinh xã hội, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường,... Những hoạt động này đã thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

01 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Trong năm 2024, với những thách thức và khó khăn mà Công ty phải đối mặt, Hội đồng quản trị thừa nhận và đánh giá cao sự nỗ lực đáng kể của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý. Hội đồng quản trị đã ban hành những kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp và thực hiện linh hoạt để đối mặt với những thách thức không ngừng tăng lên. Cũng trong năm nay, Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trong bối cảnh khó khăn, Hội đồng quản trị tin rằng những giải pháp chắc chắn và linh hoạt trong công tác điều hành sẽ đóng góp vào sự ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc chinh phục các thị trường mới sẽ là bước quan trọng hướng tới sự đa dạng hóa và mở rộng quy mô của Công ty.
- Tuy nhiên, CASEAMEX cũng cần lưu ý việc cạnh tranh với các nước khác có cùng sản phẩm như: Ấn Độ và Indonesia..., cùng với rào cản thương mại gia tăng đang là những thách thức lớn đối với chi phí sản xuất và lợi nhuận của Công ty. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt và sáng tạo trong chiến lược kinh doanh để đối mặt với những khó khăn này.

02 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện các hoạt động giám sát một cách linh hoạt và chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc Công ty. Đặc biệt, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt trong việc đưa ra các giải pháp điều hành kịp thời và phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã rất xuất sắc trong việc điều hành Công ty đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện các chủ trương, chỉ đạo đầy đủ, kịp thời, báo cáo chi tiết về kết quả thực hiện được thể hiện với tinh thần trách nhiệm cao, từ đó thể hiện sự minh bạch, chắc chắn trong quản lý.
- Bên cạnh đó, các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã giúp giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh và đưa ra các quyết định cần thiết. Ngoài ra, Hội đồng quản trị đã thực hiện quyết định về đầu tư và nguồn vốn một cách linh hoạt để đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty.

03 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục đưa ra các chỉ đạo nhằm duy trì vị thế của Công ty CASEAMEX là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản hàng đầu tại Việt Nam.
- Đảm bảo ổn định thị trường xuất khẩu hiện tại và đồng thời tập trung mở rộng sang các thị trường mới. Đặc biệt, chú trọng vào việc xây dựng hình ảnh của CASEAMEX để trở thành thương hiệu được biết đến rộng rãi và mạnh mẽ.
- Hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với sự đảm bảo về an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- Tiếp tục quản lý và vận hành nhà máy sản xuất một cách an toàn và ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tối ưu hiệu suất hoạt động.
- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển và đề xuất các sáng kiến cải tiến hợp lý để tối ưu hóa quy trình sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm và cải thiện chất lượng dịch vụ. Điều này giúp đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, đồng thời tiết kiệm chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty.





05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc



01 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT	42.266	0,28%
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	5.543.650	36,73%
3	Bà Võ Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT	154.534	1,02%
4	Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT	36.499	0,24%
5	Ông Lê Thành Được	Thành viên HĐQT	17.163	0,11%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các chiến lược đã đề ra của Ban giám đốc.

- Xem xét các báo cáo thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xem xét và giải quyết các vấn đề được nêu ra trong các báo cáo của ban kiểm soát.
- Xem xét, định hướng phát triển cho Công ty, quyết định các phương án đầu tư, mở rộng sản xuất theo thẩm quyền của HĐQT.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	8/8	100%
3	Bà Võ Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT	8/8	100%
4	Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT	8/8	100%
5	Ông Lê Thành Được	Thành viên HĐQT	8/8	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH TRONG NĂM 2024

Hội đồng quản trị đã tổ chức 8 phiên họp trực tiếp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	001	02/01/2024	Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2023 và thảo luận về kế hoạch và phương hướng kinh doanh năm 2024
2	026	02/04/2024	V/v gia hạn hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 chậm nhất trước ngày 30/06/2024
3	027	02/04/2024	V/v Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham gia ĐHĐCĐ 2024
4	069	09/07/2024	V/v Triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024
5	075	09/07/2024	V/v Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024
6	085	12/08/2024	V/v Triển khai chi trả cổ tức 2023 bằng tiền mặt
7	115	04/12/2024	V/v Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2024
8	026	04/12/2024	V/v Miễn nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc Công ty

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có



02 BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS	27.702	0,18%
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS	30.998	0,21%
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS	5.545	0,04%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lý Quốc Tuấn	8/8	100%
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	8/8	100%
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	8/8	100%

03

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban lãnh đạo						
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	360.000.000	45.000.000	120.000.000	525.000.000
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	456.000.000	57.000.000	96.000.000	609.000.000
3	Bà Võ Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT	354.346.000	44.300.000	72.000.000	470.646.000
4	Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT	247.060.000	30.890.000	72.000.000	349.950.000
5	Ông Lê Thành Được	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	37.500.000	72.000.000	409.500.000
6	Ông Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	37.500.000	-	337.500.000
7	Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	360.020.000	45.000.000	-	405.020.000
8	Ông Nguyễn Khắc Chung	Kế toán trưởng	299.039.000	37.380.000	-	336.419.000
9	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS	238.908.000	29.870.000	60.000.000	328.778.000
10	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS	237.043.000	29.640.000	60.000.000	326.683.000
11	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS	146.429.000	18.320.000	60.000.000	224.749.000
TỔNG CỘNG			3.298.845.000	412.400.000	612.000.000	4.323.245.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tiếp tục chú trọng công tác quản trị công ty như một trong những yếu tố then chốt đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao giá trị cho cổ đông. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ và các quy chế nội bộ hiện hành, đồng thời từng bước áp dụng các thông lệ quản trị công ty tiên tiến phù hợp với thực tiễn hoạt động.
- Công ty đã tiến hành rà soát, cập nhật các văn bản nội bộ như Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các tiểu ban chuyên trách, nhằm đảm bảo tính tuân thủ và nâng cao hiệu quả điều hành. Bên cạnh đó, các hoạt động đào tạo, cập nhật kiến thức pháp lý và quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng được chú trọng triển khai, góp phần nâng cao năng lực quản trị và giám sát của cơ quan quản lý cao nhất trong công ty.
- Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp và phù hợp với định hướng phát triển chiến lược, nhằm tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông và các bên liên quan.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

MỤC LỤC

Trang

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 – 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 33
8. Phụ lục	34

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP
KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 4553/QĐ-UB ND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chuyển Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : (0292) 3.841.289
- Fax : (0292) 3.841.116

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Chi nhánh	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Thủy sản Đại Ngãi	

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Võ Thị Thúy Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Thành Được	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 5 năm 2010
Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2017
Bà Võ Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2020
		Miễn nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2024
Ông Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2020
Ông Lâm Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Đông Đức – Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngự
Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1
Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Phan Minh Khang
Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4744-2024-008-1

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		721.803.437.478	908.663.292.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.610.628.185	22.303.845.905
1. Tiền	111		23.610.628.185	22.303.845.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		98.500.000.000	98.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	98.500.000.000	98.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		360.077.930.429	277.497.817.942
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	317.777.815.940	271.013.320.721
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	39.241.837.042	3.145.788.772
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.058.277.447	3.338.708.449
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		217.973.697.623	486.108.762.753
1. Hàng tồn kho	141	V.6	217.973.697.623	486.108.762.753
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.641.181.241	24.252.865.852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	4.468.735.565	8.956.250.869
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.172.445.676	15.296.614.983
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.977.035.491	75.642.278.949
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		61.733.096.208	70.476.460.775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	45.452.418.688	53.263.733.403
- Nguyên giá	222		245.086.186.278	255.855.262.987
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.633.767.590)	(202.591.529.584)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	16.280.677.520	17.212.727.372
- Nguyên giá	228		24.989.372.255	24.989.372.255
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.708.694.735)	(7.776.644.883)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	631.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	-	631.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	20.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.243.939.283	4.534.818.174
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.243.939.283	4.534.818.174
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		805.780.472.969	984.305.571.401

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		550.109.393.763	743.050.637.225
I. Nợ ngắn hạn	310		550.109.393.763	743.050.637.225
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	46.392.679.615	181.361.406.157
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	53.088.237.489	53.309.646.383
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.272.054.281	792.316.130
4. Phải trả người lao động	314	V.14	16.292.512.804	19.567.028.499
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.320.401.908	12.512.789.611
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	29.285.194.056	54.705.534.374
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	397.408.500.000	414.342.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.049.813.610	6.459.916.071
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		255.671.079.206	241.254.934.176
I. Vốn chủ sở hữu	410		255.671.079.206	241.254.934.176
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a	150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19a	65.348.226.982	56.789.552.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19a	-	(9.508.163.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	2.508.094.861	2.508.094.861
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19a	11.833.554.499	11.459.191.484
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.057.942.864	29.082.998.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		17.009.138.031	29.082.998.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.048.804.833	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		805.780.472.969	984.305.571.401


Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập


Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2025

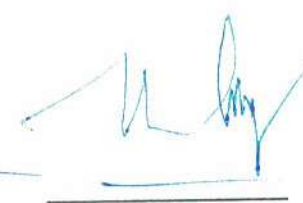
Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc


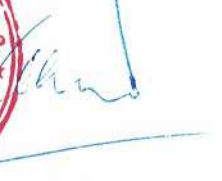
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.309.049.864.758	1.249.727.135.015
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.569.872.556	12.643.254.840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.298.479.992.202	1.237.083.880.175
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.148.343.000.327	1.141.125.265.436
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		150.136.991.875	95.958.614.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	16.312.693.844	16.245.103.779
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	22.349.583.126	32.121.144.118
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.114.229.638	29.554.176.880
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	129.156.719.278	69.760.460.206
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	5.372.897.135	6.117.816.243
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.570.486.180	4.204.297.951
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.796.107.200	490.077.058
12. Chi phí khác	32	VI.9	59.120.950	76.881.285
13. Lợi nhuận khác	40		1.736.986.250	413.195.773
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.307.472.430	4.617.493.724
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.948.397.043	904.543.242
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.359.075.387	3.712.950.482
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	575	243
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	575	243


Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập


Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng


TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.263.316.953.680	1.148.615.512.638
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.032.175.233.887)	(988.291.423.787)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(138.427.781.255)	(108.677.825.483)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.15, VI.5	(22.299.893.305)	(29.368.513.213)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(323.222.754)	(12.973.850.959)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.323.690.425	72.242.656.555
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(49.460.821.737)	(85.277.452.913)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.953.691.167	(3.730.897.162)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(2.563.192.891)	(3.300.427.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.8, VI.8	258.000.000	109.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	5.482.553.426	4.336.500.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.822.639.465)	(8.854.836.111)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.19a	18.066.837.982	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	981.088.196.600	969.801.972.796
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(1.001.240.316.600)	(936.726.043.596)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19d	(12.219.665.550)	(13.346.406.655)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.304.947.568)	19.729.522.545
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		826.104.134	7.143.789.272
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22.303.845.905	16.377.180.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		480.678.146	(1.217.123.919)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23.610.628.185	22.303.845.905

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng

Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 749 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 757 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh..
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	187.769.539	2.042.320.069
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.422.858.646	20.261.525.836
Cộng	23.610.628.185	22.303.845.905

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	98.500.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	98.500.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000
Dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng	118.500.000.000	118.500.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
NP - USA INC	267.803.863.591	207.558.927.032
Các khách hàng khác	49.973.952.349	63.454.393.689
Cộng	317.777.815.940	271.013.320.721

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Môi trường Ngọc Thy	2.621.400.000	2.400.000.000
Trung tâm Quản lý nhà ở và chất lượng công trình xây dựng	-	333.350.000
Bà Trần Thị Soan	7.256.496.100	-
Ông Nguyễn An Hữu	5.235.611.520	-
Ông Nguyễn Thành Du	4.868.037.200	-
Ông Phan Thành Vinh	6.292.553.187	-
Các nhà cung cấp khác	12.967.739.035	412.438.772
Cộng	39.241.837.042	3.145.788.772

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Võ Hồng Phụng - đầu tư cá nhân	135.865.376	-	323.201.984	-
Tạm ứng	816.111.386	-	589.522.904	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.932.550.685	-	2.425.983.561	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	173.750.000	-	-	-
Cộng	3.058.277.447	-	3.338.708.449	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.543.628.776	-	8.717.514.262	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.591.918.110	-	323.013.159.370	-
Thành phẩm	163.838.150.737	-	154.378.089.121	-
Cộng	217.973.697.623	-	486.108.762.753	-

Toàn bộ thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 163.838.150.737 VND (số đầu năm là 154.378.089.121 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh V.17).

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.062.896.997	1.315.928.934
Chi phí thuê đất	-	168.623.193
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.258.752.461	868.669.327
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.147.086.107	6.603.029.415
Cộng	4.468.735.565	8.956.250.869

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.962.862.116	1.801.694.141
Chi phí gia cố bờ ao	-	1.232.504.802
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	281.077.167	1.498.093.970
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	2.525.261
Cộng	2.243.939.283	4.534.818.174

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	108.627.266.963	131.204.933.710	12.294.524.189	3.728.538.125	255.855.262.987
Mua trong năm	141.702.728	2.421.490.163	-	-	2.563.192.891
Thanh lý, nhượng bán	-	(13.332.269.600)	-	-	(13.332.269.600)
Số cuối năm	108.768.969.691	120.294.154.273	12.294.524.189	3.728.538.125	245.086.186.278
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.795.074.537	55.761.608.765	5.032.668.714	3.468.538.125	113.057.890.141
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	86.614.017.650	105.520.176.240	6.862.608.728	3.594.726.966	202.591.529.584
Khấu hao trong năm	4.618.786.443	5.007.616.369	715.693.630	32.411.164	10.374.507.606
Thanh lý, nhượng bán	-	(13.332.269.600)	-	-	(13.332.269.600)
Số cuối năm	91.232.804.093	97.195.523.009	7.578.302.358	3.627.138.130	199.633.767.590
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	22.013.249.313	25.684.757.470	5.431.915.461	133.811.159	53.263.733.403
Số cuối năm	17.536.165.598	23.098.631.264	4.716.221.831	101.399.995	45.452.418.688
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 17.741.224.588 VND (số đầu năm 21.165.359.355 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.921.802.260	67.569.995	24.989.372.255
Số cuối năm	24.921.802.260	67.569.995	24.989.372.255
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	67.569.995	67.569.995
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	7.709.074.888	67.569.995	7.776.644.883
Khấu hao trong năm	932.049.852	-	932.049.852
Số cuối năm	8.641.124.740	67.569.995	8.708.694.735
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	17.212.727.372	-	17.212.727.372
Số cuối năm	16.280.677.520	-	16.280.677.520
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 15.814.652.594 VND (số đầu năm 16.746.702.446 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.17).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Công trình xây dựng dự án				
Gia Phúc - Nhà ở xã hội	631.000.000	-	(631.000.000)	-
Cộng	631.000.000	-	(631.000.000)	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH King Group	6.108.466.189	5.282.618.349
Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất thức ăn gia súc	-	66.888.324.607
Công ty TNHH De Heus - Chi nhánh Cần Thơ 1	-	30.755.794.120
Bà Hoàng Thị Thanh Xuân	5.848.007.500	8.214.007.500
Các nhà cung cấp khác	34.436.205.926	70.220.661.581
Cộng	46.392.679.615	181.361.406.157

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Cẩm Huệ	11.400.000.000	11.400.000.000
Ông Huỳnh Phước Duy	11.000.000.000	11.000.000.000
Bà Hoàng Thị Thanh Xuân	11.540.000.000	11.540.000.000
Bà Hoàng Tú Linh	12.000.000.000	12.000.000.000
Các khách hàng khác	7.148.237.489	7.369.646.383
Cộng	53.088.237.489	53.309.646.383

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	83.282.214	1.948.397.043	(323.222.754)	1.708.456.503
Thuế thu nhập cá nhân	702.026.016	4.078.777.055	(4.218.962.893)	561.840.178
Thuế tài nguyên	7.007.900	47.022.300	(52.272.600)	1.757.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	792.316.130	6.079.196.398	(4.599.458.247)	2.272.054.281

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%, 10%
Dịch vụ	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế với thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Theo quy định tại điều 2 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ tài chính thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% đối với thu nhập từ kinh doanh nhà ở xã hội để bán.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.307.472.430	4.617.493.724
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	127.806.513	153.916.740
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.435.278.943	4.771.410.464
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	11.435.278.943	4.771.410.464
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.287.055.789	954.282.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(338.658.746)	(352.421.078)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	302.682.227
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.948.397.043	904.543.242

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên theo quy định.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo quy định trong từng hợp đồng thuê đất.

Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	-	1.277.772.474
Chi phí giao nhận hàng tại Mỹ	-	2.918.531.240
Chi phí xử lý nước thải	-	2.754.041.354
Chi phí chiết khấu thức ăn	-	2.330.356.000
Chi phí lãi vay	-	185.663.667
Chi phí cước tàu nước ngoài	3.611.881.306	1.332.434.168
Chi phí điện sản xuất phải trả	708.520.602	862.531.449
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	851.459.259
Cộng	4.320.401.908	12.512.789.611

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	385.880.668	951.642.753
Bảo hiểm xã hội	953.276.639	1.263.132.413
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.100.000.000	19.100.000.000
Phải trả tiền đặt cọc dự án nhà ở xã hội	4.516.946.616	5.036.854.147
Cổ tức phải trả	3.689.584.003	3.835.388.753

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác	639.506.130	24.518.516.308
Cộng	29.285.194.056	54.705.534.374

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long ⁽ⁱ⁾	311.208.500.000	359.962.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	86.200.000.000	54.380.000.000
Cộng	397.408.500.000	414.342.000.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký quỹ thanh toán L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8 và V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.6 và V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	414.342.000.000	377.529.300.000
Số tiền vay phát sinh	981.088.196.600	969.801.972.796
Số tiền vay đã trả	(1.001.240.316.600)	(936.726.043.596)
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	3.218.620.000	3.736.770.800
Số cuối năm	397.408.500.000	414.342.000.000

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.459.916.071	6.121.721.023
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	935.907.539	371.295.048
Chi quỹ trong năm	(6.346.010.000)	(33.100.000)
Số cuối năm	1.049.813.610	6.459.916.071

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Võ Đồng Đức	55.436.500.000	55.297.330.000
Các cổ đông khác	95.486.760.000	95.625.930.000
Cộng	150.923.260.000	150.923.260.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.092.326	15.092.326
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu phổ thông	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.358.309
- Cổ phiếu phổ thông	-	1.358.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.092.326	13.734.017
- Cổ phiếu phổ thông	15.092.326	13.734.017
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 56/NQ/ĐHĐCĐ.2024 ngày 25 tháng 5 năm 2024 như sau:

	Số được phân phối	Số đã phân phối trong năm trước	Số phân phối trong năm nay
• Trích quỹ khen thưởng	371.295.048	(371.295.048)	-
• Chia cổ tức	12.073.860.800	-	12.073.860.800

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 theo Bảng phân phối lợi nhuận năm 2024 ngày 20 tháng 01 năm 2025 do Tổng Giám đốc duyệt.

Đồng thời, trong năm Công ty đã chi trả cổ tức các năm trước cho cổ đông với số tiền 12.219.665.550 VND (năm trước là 13.346.406.655 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

20a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.389.383.381	3.495.097.290
Trên 01 năm đến 05 năm	5.706.848.592	7.122.375.461
Trên 05 năm	24.166.029.939	27.838.684.162
Cộng	31.262.261.913	38.456.156.913

20b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	617.357,81	717.183,18
Euro (EUR)	104,05	104,05

20c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Nguyên nhân xóa sổ
Blue is Inc	7.699.465.152	7.699.465.152	Không có khả năng thu hồi
Lotus Seafood	3.197.340.160	3.197.340.160	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Việt An	3.439.194.082	3.439.194.082	Không có khả năng thu hồi
AC Impot Inc	2.716.027.450	2.716.027.450	Không có khả năng thu hồi
Sea International	25.545.903.161	25.545.903.161	Không có khả năng thu hồi
Caseamex USA	6.664.539.399	6.664.539.399	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng khác	7.929.783.584	7.929.783.584	Không có khả năng thu hồi
Cộng	57.192.252.988	57.192.252.988	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.297.663.226.898	1.181.206.689.758
Doanh thu bán nhà Gia Phúc	8.990.218.095	65.232.229.041
Doanh thu cho thuê	543.157.632	517.144.523
Doanh thu khác	1.853.262.133	2.771.071.693
Cộng	1.309.049.864.758	1.249.727.135.015

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	10.569.872.556	11.677.421.100
Giảm giá hàng bán	-	965.833.740
Cộng	10.569.872.556	12.643.254.840

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.139.664.298.250	1.079.468.405.459
Giá vốn bán nhà Gia Phúc	8.678.702.077	61.656.859.977
Cộng	1.148.343.000.327	1.141.125.265.436

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.989.120.550	6.762.483.561
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.275.537	7.956.683
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.213.360.389	9.137.440.002
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	102.937.368	337.223.533
Cộng	16.312.693.844	16.245.103.779

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.114.229.638	29.554.176.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	235.353.488	2.566.967.238
Cộng	22.349.583.126	32.121.144.118

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.590.228.812	11.854.124.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.673.261.487	24.418.644.223
Chi phí hoa hồng	2.556.889.933	5.579.082.836
Chi phí cước tàu CNF	73.153.635.357	25.899.842.061
Các chi phí khác	3.182.703.689	2.008.767.031
Cộng	129.156.719.278	69.760.460.206

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	612.000.000	612.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	208.581.543	97.166.426
Thuế, phí và lệ phí	95.633.357	82.030.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.744.557.069	4.119.239.538
Các chi phí khác	712.125.166	1.207.379.532
Cộng	5.372.897.135	6.117.816.243

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	258.000.000	109.090.909
Lãi đầu tư thức ăn	-	265.649.584
Thu nhập khác	1.538.107.200	115.336.565
Cộng	1.796.107.200	490.077.058

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	59.120.950	76.881.285
Cộng	59.120.950	76.881.285

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.359.075.387	3.712.950.482
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(935.907.539)	(371.295.048)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	8.423.167.848	3.341.655.434
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.638.373	13.734.017
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	575	243

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	13.734.017	13.734.017
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ phát hành	904.356	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.638.373	13.734.017

^(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính với mức trích 10% lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 theo Bảng phân phối lợi nhuận năm 2024 ngày 20 tháng 01 năm 2025 do Tổng Giám đốc duyệt.

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.304.161.188.707	1.483.304.110.300
Chi phí nhân công	135.610.296.501	138.737.039.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.306.557.458	12.162.349.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.342.108.092	109.414.335.837
Chi phí khác	11.808.943.904	13.173.209.842
Cộng	1.630.229.094.662	1.756.791.044.622

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Ông Võ Đông Đức - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	609.000.000	628.000.000
Ông Nguyễn Chí Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	525.000.000	540.000.000
Ông Nguyễn Thanh Giang - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2023)	-	24.000.000
Bà Võ Thị Thúy Nga - Thành viên Hội đồng quản trị	470.646.000	521.096.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị	349.950.000	376.988.000
Ông Lê Thành Được - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	409.500.000	398.000.000
Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc	337.500.000	350.000.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	405.020.000	420.070.000
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát	328.778.000	358.456.000
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh - Thành viên Ban kiểm soát	326.683.000	327.552.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Thành viên Ban kiểm soát	224.749.000	241.139.000
Cộng	3.986.826.000	4.185.301.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến cá tra fillet đông lạnh. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh bất động sản (doanh thu từ hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu, khoảng 0,687%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	472.121.793.792	433.918.134.355
Nước ngoài	826.358.198.410	803.165.745.820
Cộng	1.298.479.992.202	1.237.083.880.175

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2025

 Nguyễn Thị Tuyết Hồng Người lập	 Nguyễn Khắc Chung Kế toán trưởng	 Võ Đông Đức Tổng Giám đốc
---	--	---

Stamp: TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2025. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ (CASEAMEX). Ô MÔN - TP. CẦN THƠ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	11.310.673.465	39.623.878.416	251.647.295.742
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	3.712.950.482	3.712.950.482
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	148.518.019	(519.813.067)	(371.295.048)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(13.734.017.000)	(13.734.017.000)
Số dư cuối năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	11.459.191.484	29.082.998.831	241.254.934.176
Số dư đầu năm nay	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	11.459.191.484	29.082.998.831	241.254.934.176
Phát hành cổ phiếu quỹ trong năm nay	-	8.558.674.982	9.508.163.000	-	-	-	18.066.837.982
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	9.359.075.387	9.359.075.387
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	374.363.015	(1.310.270.554)	(935.907.539)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(12.073.860.800)	(12.073.860.800)
Số dư cuối năm nay	150.923.260.000	65.348.226.982	-	2.508.094.861	11.833.554.499	25.057.942.864	255.671.079.206

Nguyễn Thị Tuyết Hồng
Người lập

Nguyễn Khắc Chung
Kế toán trưởng

Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc



TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

TP.HCM, ngày 10 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Đông Đức



Lô 2.12, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.



(0292) 3841 289



(0292) 3841 116



<https://caseamex.com>